

Bản án số: 50/2019/HS-ST

Ngày: 22/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Đinh Thành Nam.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Ngọc và ông Nguyễn Văn Kiệm.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Thành Trung - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Trần Xuân Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2019 và theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Trịnh Văn P, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn P1 và bà Trịnh Thị T1 (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Q và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 15/8/2017 bị TAND huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xử phạt 20 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2018;

Nhân thân:

- Ngày 23/10/2001 bị đưa vào cơ sở giáo dục S thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 1132/QĐ-UB ngày 15/10/2001 của UBND tỉnh Hà Nam.

- Ngày 23/01/2014 bị Công an thành phố Phủ Lý ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “*Đánh bạc*”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2019 đến nay; có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1963; nơi cư trú: Xóm 1, H, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

+ Bà Ngô Thị H2, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn 6, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

+ Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn 6, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị Thanh H3, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 6, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Lương Văn T3; vắng mặt.

+ Ông Phạm Duy V; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T4; vắng mặt.

+ Bà Đặng Thị V; vắng mặt.

+ Ông Đặng Văn M; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Trịnh Văn P đã nhiều lần trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 26/12/2018, Trịnh Văn P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 90B2-841.12 đi trộm cắp tài sản, trên đường đi P mua một chiếc búa đinh, cán gỗ dài khoảng 20 đến 30 cm, đầu búa bằng kim loại, một đầu vuông tày và một đầu vát dẹt. Khi đến khu vực xóm 1 H, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, P phát hiện nhà ông Phạm Văn H1 không có người trông coi nên P lén lút trèo qua tường rào vào trong nhà ông H1 trộm cắp tài sản. P cầm chiếc búa đinh mang theo phá khóa (dạng khóa tay nắm) cửa buồng rồi vào trong nhà ông H1, thấy chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Úc kê ở phòng ngủ; P úp mặt két sắt xuống nền nhà, rồi dùng phần dẹt của đầu búa đập nhiều nhát vào mặt sau của két sắt làm cho tấm kim loại phía sau két bị thủng, sau đó P lấy toàn bộ số tiền trong két. P khai trên đường về đếm được 21.560.000 đồng.

Vụ thứ hai: Cũng với thủ đoạn tương tự, khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/5/2019, Trịnh Văn P điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 90B2-396.24 mang theo 01 chiếc tua vít dài và 01 chiếc búa đi tìm nhà nào sơ hở thì vào trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực thôn 6, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam thấy nhà bà Ngô Thị H2 không khóa cổng, không có người ở nhà, P dựng xe trước cổng rồi lén lút đi vào trong nhà bà H2, sau đó cầm chiếc búa đinh mang theo phá ổ khóa phòng ngủ nhà bà H2 vào trong phòng tìm kiếm tài sản để trộm cắp, P tìm thấy trong chiếc gối để trên giường ngủ nhà bà H2 có 01 túi nilon bên trong có tiền, P lấy túi nilon đựng tiền rồi đi ra. Khi đi ra tới sân, P quan sát thấy nhà chị Nguyễn Thị Thanh H3 ở cạnh nhà bà H2 (02 nhà chung sân) khóa cửa và không có ai ở nhà, P cũng dùng búa mang theo phá hỏng khóa cửa rồi đi vào trong nhà, lục tìm tài sản nhưng không lấy được tài sản gì.

Trịnh Văn P đi xe ra đầu ngõ thì thấy nhà ông Hoàng Văn T2 không có người ở nhà nên P lén lút trèo qua tường rồi cầm chiếc búa mang theo phá khóa

cửa lách vào trong nhà ông T2 tìm tài sản trộm cắp. P phát hiện phòng ngủ tầng 01 nhà ông T2 có chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp; P úp mặt két sắt xuống nền nhà, rồi dùng phần dẹt của đầu búa đập nhiều nhất vào mặt sau của két sắt làm cho tấm kim loại phía sau két bị thủng, sau đó P lấy toàn bộ số tiền trong két. P khai nhận, trên đường về P kiểm đếm số tiền lấy trộm được, để trong túi nilon của nhà bà H2 là 1.200.000 đồng và của nhà ông T2 là khoảng 44.000.000 đồng.

Sau khi phát hiện mất tài sản gia đình các bị hại đã có đơn trình báo Công an huyện Lý Nhân; ông Phạm Văn H1 khai mất 100.000.000 đồng; bà Ngô Thị H2 khai mất 8.200.000 đồng; ông Hoàng Văn T2 khai mất 70.000.000 đồng; chị Nguyễn Thanh Thị H3 không mất tài sản gì.

Khám nghiệm hiện trường tại nhà ông Phạm Văn H1 thu: 01 két sắt nhãn hiệu Việt Úc có KT (36x47x73)cm, mặt sau của két sắt có lỗ thủng rộng nhất là 23 cm, dài nhất là 19 cm; 01 chiếc gối vải hoa KT (88x37)cm đã cũ; 01 chiếc ga giường bằng vải hoa KT (1,73x2,24)m đã cũ; ½ núm giữ chốt khóa cửa bằng kim loại. Khám nghiệm hiện trường tại nhà ông Hoàng Văn T2, bà Ngô Thị H2, chị Nguyễn Thị Thanh H3 đã thu giữ: 01 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp KT (83x46x33)cm đã cũ, mặt sau có vết rách kim loại hình chữ nhật; 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Đài đã cũ; 01 mảnh kim loại hình chữ nhật màu vàng đồng KT (4,2x4,5x1,4)cm; 01 thanh chốt khóa kim loại hình trụ dài 17,5 cm; 01 thanh chốt cửa bằng kim loại màu sáng trắng, hình trụ tròn dài 15cm; 04 tay nắm kim loại màu trắng sáng hình trụ tròn; 01 mảnh kim loại cắt ra từ mặt sau két sắt dài 28,5 cm; 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Hàn đã cũ.

Đến ngày 21/6/2019, Trịnh Văn P bị bắt theo lệnh của Công an huyện Lý Nhân, khi bắt thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel cùng số tiền 750.000 đồng.

Khám xét khẩn cấp nhà Trịnh Văn P thu giữ: Số tiền 8.300.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S đều của chị Nguyễn Thị Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 90B2-396.24 kèm theo giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Q; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 90B2-947.06 kèm theo giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Q; 02 mũ bảo hiểm dạng mũ nửa đầu; 01 quần vải màu xám; 01 áo khoác màu trắng; 02 áo phông và 01 chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Văn P.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-ĐGTS ngày 23/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: Chiếc két sắt của ông Phạm Văn H1 có giá trị là 300.000 đồng; 01 đầu nắm giữ chốt cửa có giá trị là 20.000 đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/KL-ĐGTS ngày 13/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: 01 két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp của ông Hoàng Văn T2 có giá trị là 462.000 đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-ĐGTS ngày 20/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: Chiếc khóa nhãn hiệu Việt Tiệp loại chốt ngang của nhà ông T2 có giá trị 90.000 đồng; chiếc khóa nhãn hiệu Việt Hàn của nhà bà H2 có giá trị 4.000 đồng; chiếc khóa nhãn hiệu Việt Tiệp của nhà chị Huyền có giá trị là 6.000 đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-ĐGTS ngày 24/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết

luận: Chiếc xe Honda SH, biển kiểm soát 90B2-396.24 có giá trị là 69.750.000 đồng.

Trịnh Văn P khai số tiền trộm cắp được P đã trả nợ cho anh Đào Sỹ N, sinh năm 1982 trú tại thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam là 44.800.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Anh Đào Sỹ N không thừa nhận quen biết là lấy tiền trả nợ từ P.

Kết quả điều tra xác định:

Ông Phạm Văn H1 khai bị mất trộm số tiền 100.000.000 đồng, ngoài lời khai của ông H1 ra không còn căn cứ nào khác chứng minh việc ông bị mất số tiền trên; Trịnh Văn P khai nhận chỉ lấy trộm số tiền nhà ông H1 là 21.560.000 đồng; do đó Cơ quan điều tra xác định Trịnh Văn P trộm cắp của gia đình ông H1 số tiền 21.560.000 đồng. Bà Ngô Thị H2 khai bị mất trộm số tiền 8.200.000 đồng nhưng cũng không có đủ căn cứ chứng minh nguồn gốc số tiền trên, P khẳng định chỉ lấy trộm được số tiền 1.200.000 đồng của bà H2; do đó Cơ quan điều tra xác định Trịnh Văn P trộm cắp của gia đình bà H2 số tiền 1.200.000 đồng. Ông Hoàng Văn T2 khai bị mất trộm số tiền 70.000.000 đồng nhưng qua đấu tranh P chỉ thừa nhận lấy trộm của ông T2 số tiền khoảng 44.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu Cơ quan điều tra thu thập được trong quá trình điều tra, đủ căn cứ xác định Trịnh Văn P đã trộm cắp của ông Hoàng Văn T2 số tiền là 61.000.000 đồng.

Về vật chứng thu giữ: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Nhân đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airbade, biển kiểm soát 90B2-947.06 và đăng ký xe. Chị Q đã nhận các tài sản trên và có ý kiến, đối với số tiền 8.300.000 đồng thu giữ của chị, chị đề nghị lấy số tiền này để bồi thường cho bị hại.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát 90B2-841.12, đăng ký xe mang tên Trịnh Văn P, được P sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản tại nhà ông Phạm Văn H1. Ngày 22/3/2019 P đã bán chiếc xe mô tô trên cho anh Lương Văn T6, sinh năm 1968 trú tại thôn C, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam với giá 40.000.000 đồng, số tiền bán xe được P đã tiêu xài hết. Khi mua anh T6 không biết P sử dụng chiếc xe mô tô trên vào việc phạm tội, sau đó anh T6 đã đưa xe cho chị Lương Thị Hải Y, sinh năm 1996 (là con gái) làm phương tiện để đi lại trên Hà Nội, chị Y đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người đàn ông không quen biết trên Hà Nội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Lý Nhân không có căn cứ để thu hồi được.

Đối với 01 chiếc tua vít và 02 chiếc búa mà P sử dụng làm công cụ phạm tội, P khai nhận mang về nhà cất giấu. Tuy nhiên khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Trịnh Văn P, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lý Nhân không thu giữ được đồ vật nêu trên.

Đối với: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 90B2-396.24 và đăng ký xe; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105; 02 (hai) mũ bảo hiểm dạng nửa đầu đã cũ; 01 (một) quần vải màu xám; 01 (một) áo khoác màu trắng xám; 02 áo phông; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Văn P; 01 (một) kết sắt nhãn hiệu Viet

Uc có KT (36x47x73) cm. Lung két có lỗ thùng rộng nhất 23cm, dài nhất là 19 cm; 01 (một) chiếc gối vải hoa KT (88x37) cm đã cũ; 01 (một) chiếc ga giường bằng vải hoa KT (1,73x2,24)m đã cũ; ½ núm giữ chốt khóa cửa bằng kim loại; 01 (một) két sắt nhãn hiệu Viet Tiep KT (83x46x33) cm. Lung két có vết rách kim loại hình chữ nhật, kích thước các cạnh thứ tự tương ứng là: 27cm, 20cm, 30cm và 22cm; 01 (một) ổ khóa Việt Đài đã cũ; 01 (một) mảnh kim loại hình chữ nhật màu vàng đồng có KT (4,2x4,5x1,4)cm; 01 (một) thanh chốt khóa kim loại hình trụ dài 17,5cm; 01 (một) thanh chốt cửa bằng kim loại màu sáng trắng hình trụ tròn dài 15cm; 04 (bốn) tay nắm bằng kim loại màu trắng sáng hình trụ tròn; 01 (một) mảnh kim loại có KT (28,5x20)cm; 01 (một) ổ khóa Việt Hàn đã cũ; 01 (một) thẻ nhớ thu của ông Phạm Văn H1; 01 (một) thẻ nhớ thu của ông Hoàng Văn T2; số tiền 9.050.000 đồng đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Văn H1 yêu cầu Trịnh Văn P bồi thường thiệt hại với số tiền 100.320.000 đồng; ông Hoàng Văn T2 yêu cầu P bồi thường số tiền 70.000.000 đồng; bà Ngô Thị H2 đề nghị P bồi thường số tiền 8.200.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Thanh H3 không bị mất trộm tài sản gì và cũng không đề nghị gì về việc bồi thường trách nhiệm dân sự. Đến nay, Trịnh Văn P đã nhờ gia đình bồi thường cho bà Ngô Thị H2 số tiền 4.000.000 đồng; bồi thường cho ông Hoàng Văn T2 số tiền 10.000.000 đồng; bà Ngô Thị H2 và ông Hoàng Văn T2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKSL ngày 13/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã truy tố Trịnh Văn P về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 - Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn P từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị hướng xử lý vật chứng đang thu giữ.

- Bị cáo Trịnh Văn P khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý nhân đã truy tố; bị cáo nhất trí việc bồi thường cho ông H1 số tiền 21.560.000 đồng; ông T2 số tiền 61.000.000 đồng và bà H2 số tiền 1.200.000 đồng. Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Ông Phạm Văn H1 yêu cầu bị cáo bồi thường cho mình số tiền 100.000.000 đồng và xin lại chiếc thẻ nhớ.

- Ông Hoàng Văn T2 yêu cầu bị cáo bồi thường cho mình số tiền 70.000.000 đồng; gia đình bị cáo đã bồi thường cho ông số tiền 10.000.000 đồng, ông tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông số tiền 60.000.000 đồng và xin lại chiếc thẻ nhớ.

- Bà Ngô Thị H2 yêu cầu bị cáo bồi thường cho mình số tiền 8.200.000 đồng; gia đình bị cáo đã bồi thường cho bà số tiền 4.000.000 đồng, bà tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.200.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Q khai chị không biết việc bị cáo trộm cắp tài sản; quá trình điều tra chị được cơ quan điều tra thông báo là bị cáo P nhờ chị bồi thường cho bị hại nên chị đã bồi thường cho ông T2 và bà H2; đối với số tiền 8.300.000 đồng của chị bị thu giữ chị có ý kiến dùng số tiền này trả cho ông H1; chị đề nghị xin lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 90B2-396.24 và đăng ký xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo Trịnh Văn P tại phiên tòa là phù hợp một phần với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với vật chứng thu được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 26/12/2018, Trịnh Văn P đã len lút vào nhà ông Phạm Văn H1 ở xóm 1 H, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, phá kết sắt của gia đình ông H1 và trộm cắp số tiền 21.560.000 đồng. Khoảng 09 giờ ngày 16/5/2019, Trịnh Văn P đã len lút vào nhà bà Ngô Thị H2 ở thôn 6, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam, P cầm chiếc búa mang theo phá khóa cửa bà H2 rồi lấy trộm số tiền 1.200.000 đồng của bà H2. Ngay sau đó P tiếp tục len lút vào nhà ông Hoàng Văn T2 ở cùng thôn với bà H2, cầm chiếc búa mang theo phá khóa cửa, phá kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp của ông T2 rồi lấy trộm số tiền 61.000.000 đồng trong két.

Hành vi nêu trên của Trịnh Văn P đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự.

Quan điểm kết tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đối với bị cáo đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Trịnh Văn P là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu vì vậy phải xử phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể cải tạo được bị cáo, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

- *Về nhân thân*: Bị cáo có nhân xấu, có tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đã từng đi cơ sở giáo dục bắt buộc.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm và phạm tội 02 lần trở lên - Theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo nhờ gia đình bồi thường cho bị hại; được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự - Là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình

sự. Xét yếu tố các tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích, Hội đồng xét xử cần giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo yên tâm chấp hành án sớm hòa nhập cộng đồng xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Phạm Văn H1 yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh thiệt hại trên; kết quả điều tra cũng như tại phiên tòa chỉ chứng minh được bị cáo trộm cắp của ông số tiền 21.560.000 đồng. Do đó buộc bị cáo Trịnh Văn P phải bồi thường cho ông Phạm Văn H1 số tiền 21.560.000 đồng; số tiền 8.300.000 đồng chị Nguyễn Thị Q tự nguyện bồi thường cho ông H1 được trừ khi thi hành án.

Ông Hoàng Văn T2 yêu cầu bồi thường 70.000.000 đồng nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh thiệt hại trên; kết quả điều tra cũng như tại phiên tòa chỉ chứng minh được bị cáo trộm cắp của ông số tiền 61.000.000 đồng. Do đó buộc bị cáo Trịnh Văn P phải bồi thường cho ông Hoàng Văn T2 số tiền 61.000.000 đồng; gia đình bị cáo P đã bồi thường cho ông T2 số tiền 10.000.000 đồng, do đó buộc bị cáo P tiếp tục bồi thường cho ông T2 số tiền 51.000.000 đồng.

Bà Ngô Thị H2 yêu cầu bồi thường 8.200.000 đồng nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh thiệt hại trên; kết quả điều tra cũng như tại phiên tòa chỉ chứng minh được bị cáo trộm cắp của bà số tiền 1.200.000 đồng. Do đó buộc bị cáo Trịnh Văn P phải bồi thường cho bà Ngô Thị H2 số tiền 1.200.000 đồng; gia đình bị cáo P đã tự nguyện bồi thường cho bà H2 số tiền 4.000.000 đồng, do đó bị cáo P đã bồi thường xong cho bà H2.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 90B2-396.24 và đăng ký xe, đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo P trong thời kỳ hôn nhân; theo Điều 111 Bộ luật dân sự thì đây là tài sản không chia được thì phải trị giá thành tiền để chia. Bị cáo P sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội, do đó tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe nộp ngân sách Nhà nước; trả lại chị Nguyễn Thị Q 1/2 giá trị chiếc xe tại thời điểm thi hành án.

Đối với số tiền 8.300.000 đồng thu giữ của chị Q, chị Q tự nguyện bồi thường cho ông H1, do đó trả ông H1 số tiền này.

Đối với số tiền 750.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 và 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Văn P không liên quan đến việc phạm tội, trả lại bị cáo P; riêng số tiền 750.000 đồng quản lý để bảo đảm công tác thi hành án dân sự.

Trả lại ông Phạm Văn H1 01 (một) chiếc thẻ nhớ được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2.

Trả lại ông Hoàng Văn T2 01 (một) chiếc thẻ nhớ được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1.

Đối với 02 (hai) mũ bảo hiểm dạng nửa đầu đã cũ; 01 (một) quần vải màu xám; 01 (một) áo khoác màu trắng xám; 02 áo phông; 01 (một) kết sắt nhãn hiệu Viet Uc có KT (36x47x73) cm. Lưng kết có lỗ thủng rộng nhất 23cm, dài nhất là 19 cm; 01 (một) chiếc gối vải hoa KT (88x37) cm đã cũ; 01 (một) chiếc ga giường bằng vải hoa KT (1,73x2,24)m đã cũ; ½ núm giữ chốt khóa cửa bằng kim loại; 01 (một) kết sắt nhãn hiệu Viet Tiep KT (83x46x33) cm. Lưng kết có vết rách kim loại hình chữ nhật, kích thước các cạnh thứ tự tương ứng là: 27cm, 20cm, 30cm và 22cm; 01 (một) ổ khóa Việt Đài đã cũ; 01 (một) mảnh kim loại hình chữ nhật màu vàng đồng có KT (4,2x4,5x1,4)cm; 01 (một) thanh chốt khóa kim loại hình trụ dài 17,5cm; 01 (một) thanh chốt cửa bằng kim loại màu sáng trắng hình trụ tròn dài 15cm; 04 (bốn) tay nắm bằng kim loại màu trắng sáng hình trụ tròn; 01 (một) mảnh kim loại có KT (28,5x20)cm; 01 (một) ổ khóa Việt Hàn đã cũ, các chủ sở hữu đều không nhận lại không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo.

[9] Các vấn đề khác: Hành vi phá khóa, kết sắt của bị cáo thiệt hại dưới 2.000.000 đồng, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này nên không đủ yếu tố cấu thành tội Hủy hoại tài sản; bị cáo khai lấy tiền trộm cắp trả cho anh Đào Sỹ Nguyên, anh Nguyên không thừa nhận nên không có căn cứ thu hồi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 - Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn P phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn P 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2019.

2. Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng Điều 35; khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Trịnh Văn P 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trịnh Văn P phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Phạm Văn H1 với số tiền 21.560.000 đồng, số tiền 8.300.000 đồng chị Nguyễn Thị Q tự nguyện bồi thường cho ông H1 được đối trừ; do đó bị cáo P phải tiếp tục bồi thường cho ông H1 số tiền 13.260.000 đồng (*mười ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Trịnh Văn P phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Hoàng Văn T2 số tiền 61.000.000 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường cho ông T2 số tiền

10.000.000 đồng; do đó bị cáo P phải tiếp tục bồi thường cho ông T2 số tiền 51.000.000 đồng (*năm mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Văn H1 và ông Hoàng Văn T2, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bị cáo Trịnh Văn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH biển kiểm soát 90B2-396.24 và đăng ký xe; trả lại chị Nguyễn Thị Q 1/2 giá trị chiếc xe mô tô trên vào thời điểm thi hành án.

Trả ông Phạm Văn H1 số tiền 8.300.000 đồng (*tám triệu ba trăm nghìn đồng*) thu giữ của chị Q.

Trả lại bị cáo Trịnh Văn P số tiền 750.000 đồng, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 và 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Văn P; riêng số tiền 750.000 đồng (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) quản lý để bảo đảm công tác thi hành án dân sự.

Trả lại ông Hoàng Văn T2 01 (một) chiếc thẻ nhớ được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1.

Trả lại ông Phạm Văn H1 01 (một) chiếc thẻ nhớ được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2.

Tịch thu và tiêu hủy: 02 (hai) mũ bảo hiểm dạng nửa đầu đã cũ; 01 (một) quần vải màu xám; 01 (một) áo khoác màu trắng xám; 02 áo phông; 01 (một) kết sắt nhãn hiệu Viet Uc có KT (36x47x73) cm. Lung kết có lỗ thùng rộng nhất 23cm, dài nhất là 19 cm; 01 (một) chiếc gối vải hoa KT (88x37) cm đã cũ; 01 (một) chiếc ga giường bằng vải hoa KT (1,73x2,24)m đã cũ; 1/2 núm giữ chốt khóa cửa bằng kim loại; 01 (một) kết sắt nhãn hiệu Viet Tiep KT (83x46x33) cm. Lung kết có vết rách kim loại hình chữ nhật, kích thước các cạnh thứ tự tương ứng là: 27cm, 20cm, 30cm và 22cm; 01 (một) ổ khóa Việt Đài đã cũ; 01 (một) mảnh kim loại hình chữ nhật màu vàng đồng có KT (4,2x4,5x1,4)cm; 01 (một) thanh chốt khóa kim loại hình trụ dài 17,5cm; 01 (một) thanh chốt cửa bằng kim loại màu sáng trắng hình trụ tròn dài 15cm; 04 (bốn) tay nắm bằng kim loại màu trắng sáng hình trụ tròn; 01 (một) mảnh kim loại có KT (28,5x20)cm; 01 (một) ổ khóa Việt Hàn đã cũ.

(*Các vật chứng nêu trên có đặc điểm, tình trạng, số hiệu được ghi trong biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 16/9/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lý Nhân và Chi cục thi hành án dân sự huyện L*).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trịnh Văn P phải chịu 200.000 đồng (*Hai*

trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.213.000 đồng (Ba triệu hai trăm mười ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại giam CA tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Công an huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo; bị hại; đương sự.
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đinh Thành Nam